TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1149/2017/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 31 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 957/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Người yêu cầu: Ông Trần Vĩnh P, sinh năm 1967. Địa chỉ: Đường A, Phường B, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Bà Lê Thị Dạ T, sinh năm 1981. Địa chỉ thường trú: Đường A, Phường B, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ cư trú: Đường N, Phường C, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Vĩnh P và bà Lê Thị Dạ T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông Trần Vĩnh P và bà Lê Thị Dạ T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao bà T trực tiếp nuôi con chung Trần Lê Thái A, sinh ngày 17/6/2013. Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên. Bắt đầu thi hành từ tháng 11/2017 tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp ông P chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được qui định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về lệ phí thuận tình ly hôn: Ông Trần Vĩnh P và bà Lê Thị Dạ T phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được tính vào tạm ứng lệ phí do ông Trần Vĩnh P và bà Lê Thị Dạ T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006946 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- UBND Phường B, quận D
(Để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 59, quyển số 01/2012 ngày 11/5/2012 do UBND Phường B, quận D cấp).

THẨM PHÁN

Bùi Thụy Hồng Châu